

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 17-8-2023
*V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy –Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Đ xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim N1, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Đ xã T huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp Đ xã T huyện C, tỉnh Long An.

(bà N, bà N1 có mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và bà Ngô Thị Kim N1 là chỗ quen biết do ở cùng địa phương.

Bà là đầu thảo hụi, có tổ chức chơi hụi, bà N1 có chơi hụi do bà tổ chức, cụ thể dây hụi khui ngày 05/4/2019 (dương lịch), hụi 2.000.000 đồng/phần, dây hụi gồm 21 phần, tháng khui 01 lần, bà N1 tham gia 01 phần, hụi khui kỳ đầu tiên vào ngày 05/4/2019 (dương lịch), trong dây hụi này bà N1 hốt ở kỳ khui thứ 1, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà N1, sau đó bà N1 đã đóng đến kỳ khui thứ 13 thì ngưng, hụi hiện nay đã mãn. Trong dây hụi này bà N1 còn nợ lại 08 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 16.000.000 đồng.

Ngoài ra bà có tham gia chơi hụi do bà N1 làm chủ thảo, cụ thể dây hụi khui ngày 05/3/2021 (dương lịch), hụi 1.000.000 đồng/phần, dây hụi gồm 20 phần, tháng khui 01 lần, bà tham gia 02 phần, hụi khui kỳ đầu tiên vào ngày 05/3/2021 (dương lịch), trong dây hụi này bà đã đóng được 20 kỳ, khi mãn hụi bà N1 không giao tiền cho bà. Trong dây hụi này bà yêu cầu bà N1 trả lại cho bà số tiền 40.000.000 đồng/02 phần hụi.

Bà cũng đã nhiều lần yêu cầu bà N1 hoàn trả số tiền hụi còn nợ nhưng bà N1 hứa mà không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 56.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, hoàn trả 01 lần. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Số tiền bà chơi hụi và choàng hụi cho bà N1 là tiền riêng của bà, bà có chồng nhưng đã ly hôn. Bà N1 có chồng nhưng bà chỉ yêu cầu cá nhân bà N1 trả tiền cho bà, không yêu cầu ai có trách nhiệm liên đới với bà N1 trả tiền cho bà.

Bị đơn bà Ngô Thị Kim N1 trình bày:

Qua lời trình bày của bà N về thời gian, số dây hụi, phần hụi, số tiền hụi còn nợ thì bà thống nhất, bà thừa nhận hiện nay còn nợ bà N số tiền hụi 56.000.000 đồng, bà đồng ý hoàn trả số tiền hụi còn nợ 56.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng từ 600.000 đồng – 700.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Việc bà và bà N chơi hụi qua lại, chồng bà – ông Nguyễn Văn L không biết gì, bà cũng không mang số tiền này về chi tiêu cho gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông là chồng bà Ngô Thị Kim N1, hiện hôn nhân còn tồn tại. Việc bà N1 và bà N chơi hụi qua lại, ông không biết, bà N1 cũng không mang số tiền hụi hốt

được về chi tiêu trong gia đình. Trong vụ kiện này ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An – ông Nguyễn Thanh P - phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L là phù hợp.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 468, 471 Bộ luật dân sự, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, cụ thể: Bà Ngô Thị Kim N1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền hui là 56.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Kim N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền hui là 56.000.000 đồng làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Bà N1 cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện C giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Nguyễn Văn L nhưng ông L có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Kim N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền hội 56.000.000 đồng. Xét lời trình bày và yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà N có tổ chức chơi hội, dây hội ngày 05/4/2019 (dương lịch), hội 2.000.000 đồng/phần, dây hội gồm 21 phần, bà N1 hốt ở kỳ khai thứ 1, bà N đã giao đủ tiền hội cho bà N1, sau đó bà N1 đã đóng đến kỳ khai thứ 13 thì ngưng, hội hiện nay đã mãn. Trong dây hội này bà N1 còn nợ lại 08 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 16.000.000 đồng.

Bà N1 có tổ chức chơi hội, dây hội khai ngày 05/3/2021 (dương lịch), hội 1.000.000 đồng/phần, dây hội gồm 20 phần, bà N tham gia 02 phần, trong dây hội này bà N đã đóng được 20 kỳ, khi mãn hội bà N1 không giao tiền cho bà N. Trong dây hội này bà N yêu cầu bà N1 trả lại cho bà N số tiền 40.000.000 đồng.

Bà N khởi kiện yêu cầu bà N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà N số tiền nợ hội còn lại là 56.000.000 đồng.

Theo Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hội biêu phùng (gọi chung là hội).

“Điều 16. Nghĩa vụ của thành viên

1. Thành viên trong hội không có lỗi có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Góp phần hội theo thỏa thuận;*
- b) Thông báo về nơi cư trú mới trong trường hợp có thay đổi cho những người tham gia dây hội;*
- c) Tiếp tục góp các phần hội để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hội trong trường hợp đã lĩnh hội trước thành viên khác;*
- d) Các nghĩa vụ của thành viên trong việc thực hiện quy định tại Điều 10 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định này;*
- đ) Trong trường hợp không có chủ hội thì thành viên được giao lập và giữ sổ hội có các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 của Nghị định này.*

2. Thành viên trong hội có lỗi có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này;*

b) Trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hộ khi được lĩnh hộ.

3. Thành viên trong hộ hưởng hoa hồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này nếu thuộc trường hợp hộ không có lãi hoặc các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc trường hợp hộ có lãi;

b) Trả khoản hoa hồng cho chủ hộ khi lĩnh hộ theo thỏa thuận.

“Điều 18. Nghĩa vụ của chủ hộ (chủ hộ)

1. Thông báo cho các thành viên về nơi cư trú mới trong trường hợp có sự thay đổi.

2. Thông báo đầy đủ về số lượng dây hộ; phần hộ, kỳ mở hộ; số lượng thành viên của từng dây hộ mà mình đang làm chủ hộ cho người muốn gia nhập dây hộ.

3. Giao các phần hộ cho thành viên lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ.

4. Nộp thay phần hộ của thành viên nếu đến kỳ mở hộ mà có thành viên không góp phần hộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Điều 23. Trách nhiệm của chủ hộ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ

Trường hợp đến kỳ mở hộ mà chủ hộ không giao các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ thì chủ hộ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau:

1. Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này.

2. Trả lãi đối với số tiền chậm giao cho thành viên được lĩnh hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây hộ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên không góp phần hộ

Trường hợp đến kỳ mở hộ mà có thành viên không góp phần hộ hoặc góp phần hộ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ hộ như sau:

1. Hoàn trả số tiền mà chủ hộ đã góp thay cho thành viên.

2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp hộ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây hộ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Xét thấy, bản chất của việc tham gia chơi hụi, họ, biêu, phường là việc thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân. Cho nên, khi bà N1 làm chủ hụi, bà N đã đóng tiền hụi đầy đủ, sau khi hụi mãn bà N1 phải có nghĩa vụ giao tiền hụi cho bà N. Khi bà N làm chủ hụi, bà N1 phải có nghĩa vụ góp hụi theo thỏa thuận. Bà N1 thừa nhận quá trình chơi hụi và đồng ý trả cho bà N số tiền còn nợ là 56.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng từ 600.000 đồng đến 700.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên pháp luật chưa quy định việc trả dần, bà N cũng không đồng ý cho bà N1 trả dần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào danh sách hụi và lời thừa nhận của bà N1, buộc bà N1 có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hụi là 56.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nghĩa vụ liên đới: Bà N chỉ yêu cầu cá nhân bà N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 56.000.000 đồng, bà N1 trình bày cá nhân bà sẽ có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên cho bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ liên đới.

[3] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An là có cơ sở.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Ngô Thị Kim N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ hụi biêu phường (gọi chung là họ); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” đối với bà Ngô Thị Kim N1.

Buộc bà Ngô Thị Kim N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ngô Thị Kim N1 phải nộp 2.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005622 ngày 09/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện C,
- Chi cục THA huyện C,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm